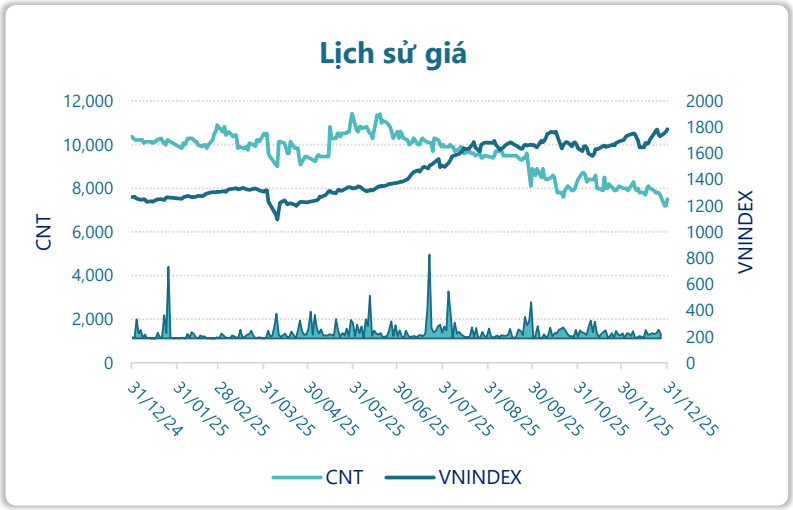
FireAnt

CTCP Tập đoàn CNT (UPCOM: CNT)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,424
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,200
SL cổ phiếu LH	65,380,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,335
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	490
P/E	66.1
EPS	113

DT thuần

Q4/25

25.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.8| 119%

YoY: ▼4.20| -14.2%

LN sau thuế

Q4/25

-2.92

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.67| -143%

YoY: ▼15.4| -123%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

21.3%

+/- YoY: ▼ 50.7%

DT thuần

2025

55.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼178| -76.3%

LN sau thuế

2025

7.42

tỷ VNĐ

YoY: ▼128| -94.5%

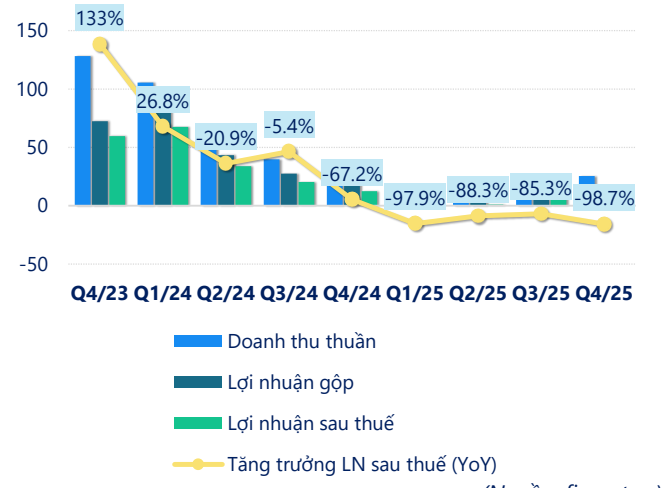
ROE

2025

1.1%

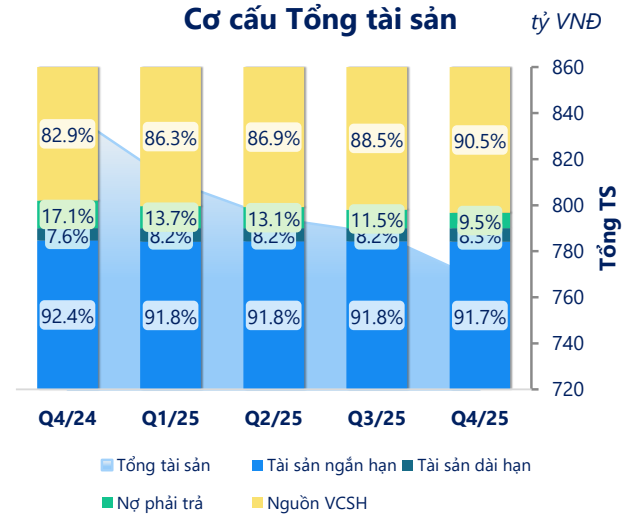
+/- YoY: ▼ 20.3%

Kết quả kinh doanh



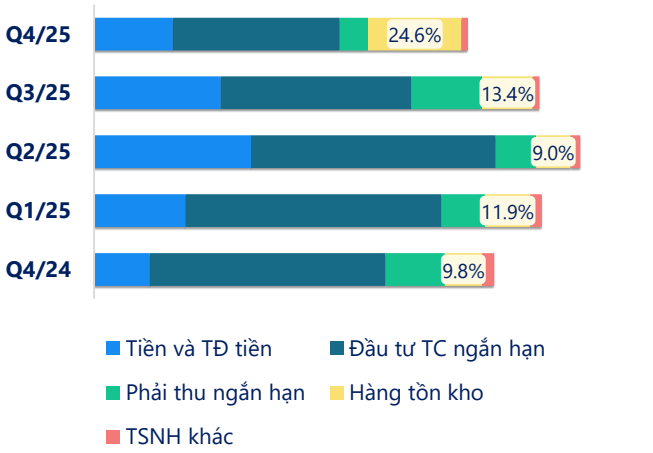
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



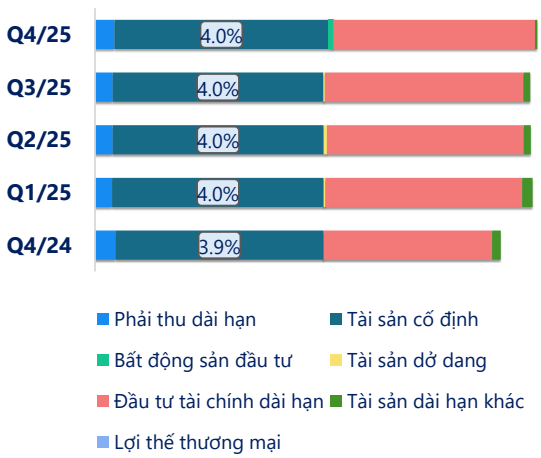
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



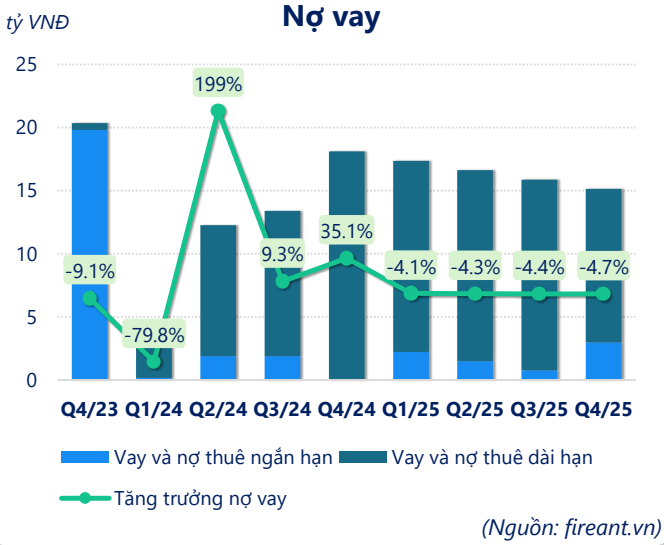
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



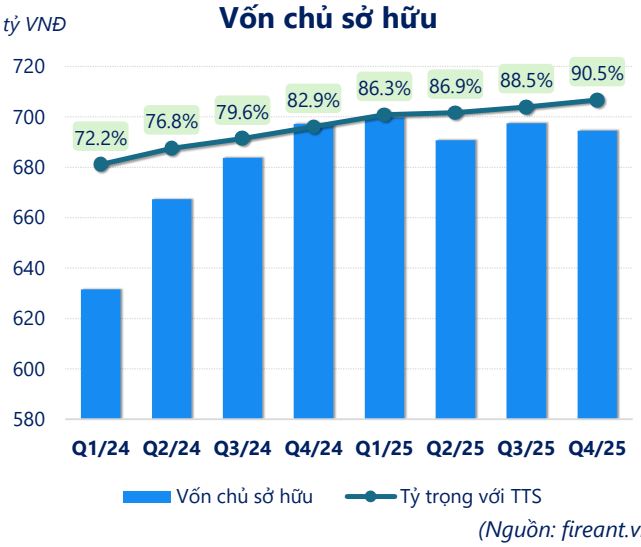
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



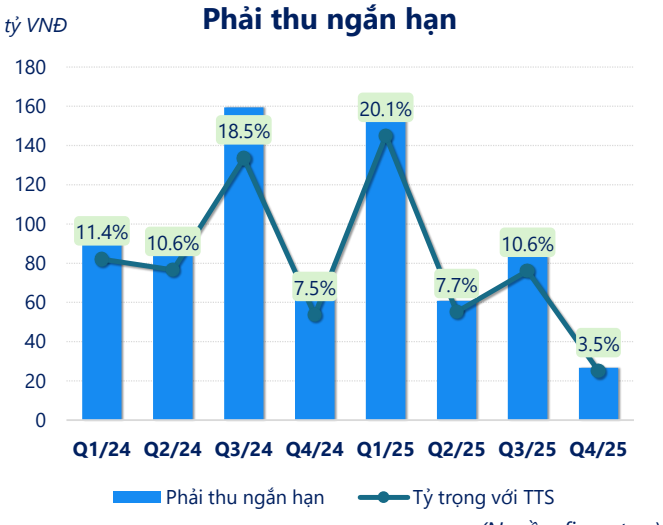
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



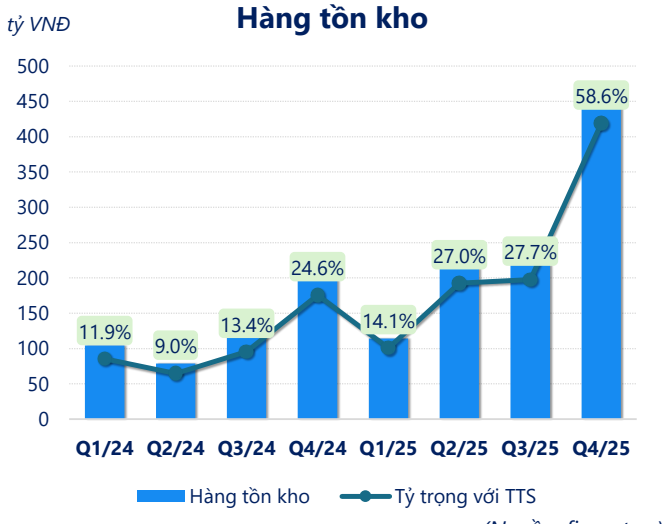
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



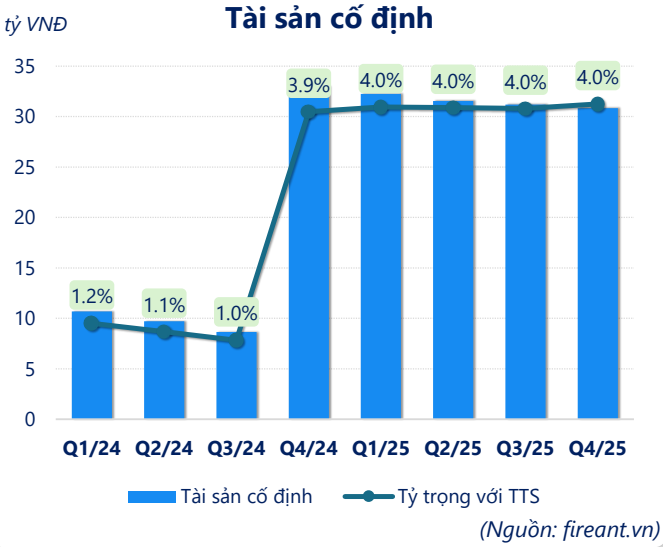
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



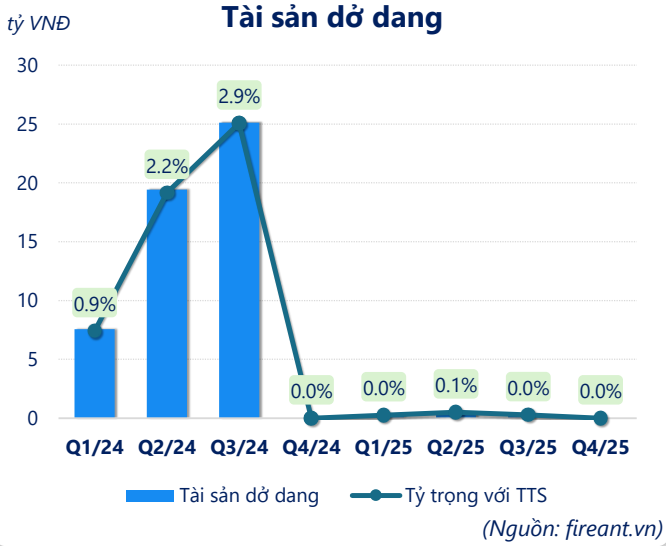
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



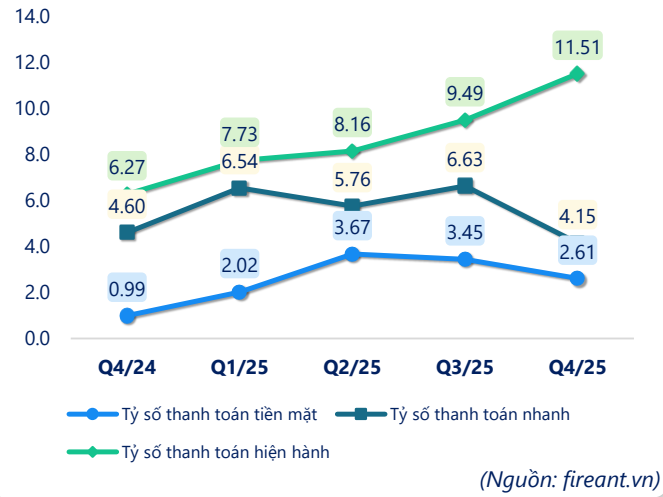
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



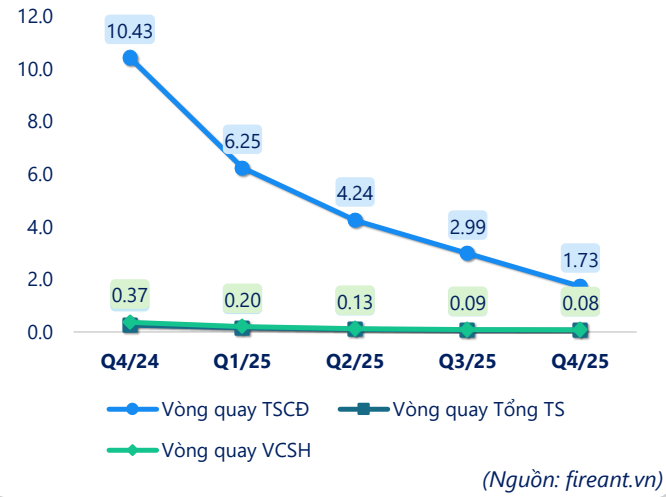
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**841**	**811**	**794**	**788**	**767**
Tài sản ngắn hạn	**777**	**744**	**729**	**723**	**704**
Tiền và tương đương tiền	123	195	328	263	159
Đầu tư tài chính ngắn hạn	370	260	115	149	62.0
Phải thu ngắn hạn	62.7	163	60.9	83.4	26.7
Hàng tồn kho	207	114	214	218	450
Tài sản ngắn hạn khác	14.5	11.6	11.2	10.7	5.66
Tài sản dài hạn	**64.2**	**66.7**	**65.1**	**64.5**	**63.9**
Phải thu dài hạn	3.21	2.63	2.63	2.63	2.83
Tài sản cố định	33.0	32.3	31.5	31.2	30.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0.72
Tài sản dở dang	0	0.25	0.47	0.25	0
Đầu tư tài chính dài hạn	26.6	30.0	29.4	29.4	29.1
Tài sản dài hạn khác	1.38	1.60	1.04	0.98	0.35
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**144**	**111**	**104**	**90.6**	**73.0**
Nợ ngắn hạn	**124**	**96.2**	**89.4**	**76.2**	**61.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	2.23	1.48	0.75	2.97
Phải trả người bán ngắn hạn	4.29	7.23	3.31	1.69	0.99
Nợ dài hạn	20.0	14.7	14.4	14.4	11.9
Vay và nợ thuê dài hạn	18.1	15.1	15.1	15.1	12.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**697**	**700**	**691**	**697**	**694**
Vốn chủ sở hữu	**697**	**700**	**691**	**697**	**694**
Vốn điều lệ	504	504	504	655	655
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)